

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(KINH PHÍ CHUYÊN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số **536** /QĐ-SGDĐT ngày **18** /7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(KINH PHÍ CHUYÊN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

D

[illegible]

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(KINH PHÍ CHUYÊN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị 1.000 đồng

[illegible]

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG 422

THU HỒI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(KINH PHÍ CHUYÊN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1000 đồng

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG						CHI TIẾT THEO TỪNG ĐƠN VỊ SỬ DỤNG			GHI CHÚ	
		ĐTNT NÀ HỖ	TRUNG TÂM GDNN- GDTX 1	TRUNG TÂM GGNN-GDTX 2	Trung tâm GDNN- GDTX 3	Trung tâm GDNN- GDTX 4	TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP	TRƯỜNG CDSP TỈNH	VĂN PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
		Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 075; Loại 070- khoản 085	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 093	TỔNG SỐ		Loại 070 khoản 081
A	B	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
I	Tổng số thu, chi nguồn vốn viện trợ								-		
1	Số thu nguồn vốn viện trợ								-		
2	Chi từ nguồn vốn viện trợ								-		
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo								-		
II	Dự toán chi NSNN	457.315,200	710.326,000	827.744,000	86.300,000	259.474,000	3.190,000	338.756,000	704.080,600	704.080,600	
1	Sự nghiệp Giáo dục	457.315,200	710.326,000	827.744,000	86.300,000	259.474,000	3.190,000	-	-	-	
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ						-		-		
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	457.315,200	710.326,000	827.744,000	86.300,000	259.474,000	3.190,000		-	-	
	Trong đó:	-	-	-	-	-					
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	-	-	24.965,000	9.000,000	10.820,000	1.240,000				
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025-NĐ-CP	-	126.150,000	5.035,000	77.300,000	88.350,000	1.950,000				
	Hỗ trợ học sinh thôn , xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (NSTW)	-	584.176,000	789.720,000	-	160.304,000	-				
	Hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	-	-								
	Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT	-	-	8.024,000		-	-		-		
	Học bổng học sinh DTNT theo ND 84/2020/NDCP	457.315,200	-								
2	Sự nghiệp đào tạo		-	-	-	-	-	338.756,000	704.080,600	704.080,600	
2.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ		-					-	-		
2.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ		-					338.756,000	704.080,600	704.080,600	
	Trong đó:							-	-		
	+ Hỗ trợ chính sách nội trú theo quyết định số 53/2015/QĐ-TTg							38.560,000	-		
	+ Cấp bù, miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-Cp							231.416,000	-		
	+ Hỗ trợ sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP							68.780,000	-		
	+ Cử tuyển: Cấp bù học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP								7.281,000	7.281,000	
	+ Cử tuyển: Hỗ trợ học tập								696.799,600	696.799,600	